

# Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân của người lao động tại Việt Nam: Mô hình phân tích hồi quy phân vị

## Factors affecting personal income of workers in Vietnam: A quantile regression approach

Lương Trâm Anh<sup>1\*</sup>, Bùi Trà My<sup>1</sup>, Nguyễn Quốc Huy<sup>1</sup>, Đào Nhật Tân<sup>1</sup>, Trần Minh Anh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: tramanh@vnu.edu.vn

### THÔNG TIN

### TÓM TẮT

DOI:10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.20.1.3524.2025

Ngày nhận: 26/06/2024

Ngày nhận lại: 27/08/2024

Duyệt đăng: 09/09/2024

Nghiên cứu này nhằm phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động tại Việt Nam. Kết quả từ mô hình hồi quy bình phương nhỏ nhất và mô hình hồi quy phân vị cho thấy thu nhập cá nhân bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm độ tuổi, nơi ở, giới tính, trình độ học vấn, vị trí công việc và tình trạng hợp đồng làm việc. Trong đó, độ tuổi có tác động ngược chiều đến thu nhập, trong khi trình độ học vấn có tác động cùng chiều. Ngoài ra, thu nhập cũng có xu hướng cao hơn đối với những người lao động sống ở thành thị, nam giới, tự kinh doanh và có hợp đồng làm việc. Tuy nhiên, mức độ tác động của các yếu tố này khác nhau giữa các nhóm người có mức thu nhập khác nhau. Kết quả nghiên cứu này sẽ đóng góp vào hệ thống các nghiên cứu về tài chính cá nhân và đề xuất một số hàm ý nhằm cải thiện thu nhập của người lao động tại Việt Nam.

### ABSTRACT

*Từ khóa:*

hồi quy phân vị; thu nhập cá nhân; Việt Nam

*Keywords:*

quantile regression model; personal income; Vietnam

The purpose of this study is to analyze factors affecting the income of Vietnamese workers. The results of the ordinary least squares regression model and the quantile regression model show that personal income is affected by many factors, including age, place of residence, gender, education level, jobs, and employment contract status. While the age factor hurts income, the education level positively impacts income. In addition, income also tends to increase for workers who live in urban areas, are male, are self-employed, and have work contracts. However, the level of impact of factors is different between groups of people with different income levels. The results of this research will contribute to the system of research on personal finance and provide some implications for improving workers' income in Vietnam.

## 1. Giới thiệu

Thu nhập cá nhân là tổng số thu nhập của một người từ tất cả các nguồn, như tiền lương và những nguồn thu khác (Nasdaq, n.d.). Thu nhập cá nhân đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tiêu chuẩn sống tốt cho người lao động, đồng thời cũng là một chỉ số được các quốc gia sử dụng phổ biến khi thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Tại Việt Nam, mặc dù GDP bình quân đầu người đã tăng mạnh từ 1,953 USD năm 2011 lên 4,110 USD năm 2022 (Bộ Tài chính, 2023), mức thu nhập này chỉ xếp thứ 117 trên toàn cầu. Do đó, việc xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân, để từ đó hàm ý một số biện pháp nhằm nâng cao mức thu nhập của Việt Nam là cần thiết.

Đã có nhiều nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân của người lao động. Akçomak và Kasnaçođlu (2003), Bhattarai (2017), Nasir và cộng sự (1998) đã chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng thu nhập cá nhân thường liên quan đến độ tuổi, nghề nghiệp, học vấn và giới tính. Ngoài ra, các nghiên cứu về thu nhập ở vùng nông thôn Trung Quốc và Mỹ của Fang (2001), Karoly (1992) cũng chỉ ra rằng ngoài các yếu tố nêu trên, mức thu nhập của người lao động cũng chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố nơi ở. Theo Lin và cộng sự (2017), thu nhập cá nhân của người lao động tại Đài Loan bị ảnh hưởng chủ yếu bởi độ tuổi, ví dụ, người cao tuổi có xu hướng kiếm ít hơn so với người trẻ vì họ dễ dàng mắc các bệnh tật. Nghiên cứu của Ashenfelter và Rouse (2000) cũng cho thấy rằng tại Mỹ, trình độ học vấn càng cao, người ta càng kiếm được nhiều tiền. Tuy nhiên, Gundavarapu và cộng sự (2023) chỉ ra rằng giới tính là yếu tố chính ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân. Tuy nhiên, theo hiểu biết của nhóm tác giả, số lượng các nghiên cứu về thu nhập cá nhân của người lao động tại Việt Nam còn hạn chế. Các nghiên cứu tại Việt Nam hiện mới chỉ tập trung tại một số vùng địa bàn cụ thể. Ví dụ, Nguyen và Le (2020), Nguyen và Bui (2011) đã nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân của người dân tại các địa bàn tỉnh Trà Vinh và Đồng Bằng Sông Cửu Long. Mặt khác, hiện nay chưa có nghiên cứu nào xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân tại các mức thu nhập khác nhau tại Việt Nam. Trong khi đó, sự ảnh hưởng của các nhân tố có thể khác nhau đối với những cá nhân có thu nhập cao và cá nhân có thu nhập thấp.

Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích tác động của các yếu tố đến thu nhập cá nhân của người lao động Việt Nam ở các mức thu nhập khác nhau. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao thu nhập cá nhân tại Việt Nam nói riêng và các nước đang phát triển nói chung. Kết quả của nghiên cứu này sẽ đóng góp vào hệ thống các nghiên cứu về tài chính cá nhân và thu nhập cá nhân tại Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu cũng cung cấp một số gợi ý cho người lao động và cơ quan quản lý nhằm nâng cao hiểu biết về các yếu tố quyết định thu nhập cá nhân.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Thu nhập cá nhân

Theo từ điển Merriam-Webster (n.d.), thu nhập là sự thu được lợi ích định kỳ hoặc lợi ích lặp đi lặp lại trong một khoảng thời gian, thường được đo bằng tiền từ vốn hoặc lao động. Thu nhập cá nhân là khoản lợi ích tính bằng tiền mà một cá nhân có được, có thể đến từ nhiều nguồn, bao gồm lương, tiền công và tiền thưởng nhận được từ việc làm thuê hoặc tự làm chủ, cổ tức và phân phối thu được từ đầu tư, thu tiền thuê từ đầu tư bất động sản, và chia lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Thu nhập cá nhân cũng là dữ liệu quan trọng để các quốc gia xác định các chính sách phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

## **2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân**

### **2.2.1. Độ tuổi**

Các nghiên cứu trước đây cho thấy độ tuổi sẽ ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân của một người. Theo Lin và cộng sự (2017), thu nhập cá nhân thấp ở người lao động cao tuổi chủ yếu do người lao động lớn tuổi dễ mắc bệnh hơn so với người trẻ tuổi, từ đó năng suất lao động người lớn tuổi cũng thấp hơn. Karunaratne (2000) cũng tìm ra bằng chứng cho thấy rằng tuổi tác là một yếu tố quyết định thu nhập ở Sri Lanka. Nhìn chung, cấu trúc tuổi ảnh hưởng đến mức độ và xu hướng thu nhập cá nhân với các mức độ khác nhau.

### **2.2.2. Trình độ học vấn**

Trong lý thuyết về vốn nhân lực của Becker (1994), các cá nhân sẽ có sự đối chiếu giữa khoản đầu tư vào bản thân trong thời điểm hiện tại và giá trị tăng thêm của bản thân họ từ khoản đầu tư đó trong tương lai. Các khoản đầu tư đó có thể là việc thực tập và giáo dục để giúp cho họ cải thiện năng suất, từ đó có thể cải thiện thu nhập. Theo Mincer (1975), thời gian và nguồn lực bỏ ra để có được trình độ học vấn sẽ ảnh hưởng đáng kể đến công việc sau khi ra trường.

Xu hướng giáo dục cũng góp phần làm thay đổi cơ cấu lực lượng lao động, ảnh hưởng đến việc phân phối thu nhập cá nhân. Theo đó, nghiên cứu của Cankal và Gökçe (2015) về những người lao động hoạt động trong lĩnh vực kinh tế cho thấy có mối tương quan chặt chẽ giữa thu nhập và trình độ học vấn. Nghiên cứu Turac và Çankal (2017), Afzal (2021), De Gregorio và Lee (2002) cũng khẳng định trình độ học vấn là công cụ hiệu quả để quyết định thu nhập cá nhân.

### **2.2.3. Giới tính**

Ảnh hưởng của giới tính đến thu nhập đã được chỉ ra trong nhiều nghiên cứu trước đây. Theo Gundavarapu và cộng sự (2023), có sự khác biệt đáng kể trong thu nhập giữa nam và nữ. Nghiên cứu của Ashraf và cộng sự (1993) cũng chỉ ra những chênh lệch trong thu nhập giữa nam và nữ bị trong điều kiện học tập khác nhau. Nghiên cứu của Blau và Kahn (1992) cho thấy thị trường lao động càng đề cao các kỹ năng thì khoảng cách lương giữa nam và nữ càng lớn. Turac và Çankal (2017) cũng tìm thấy bằng chứng cho thấy rằng nam giới kiếm được nhiều tiền hơn phụ nữ. Điều này phản ánh khoảng cách về lương theo giới trong cộng đồng người Thổ Nhĩ Kỳ. Để giải thích hiện tượng chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ, theo Kapoor và Puri (1984), tình trạng sau khi kết hôn để giải thích ảnh hưởng của giới tính đến thu nhập. Một số nền văn hóa phụ hệ vẫn tin rằng nam giới nên là trụ cột của gia đình.

### **2.2.4. Tình trạng hợp đồng làm việc**

Theo Riley (2016), hợp đồng lao động là một thỏa thuận, trong đó một cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ của mình tới một cá nhân khác hoặc một tổ chức, với mức thù lao đã được xác định hoặc có thể xác định, sao cho nhà tuyển dụng có quyền lực đối với nhân viên và thực hiện giám sát đối với việc cung cấp dịch vụ của nhân viên. Nhân viên sẽ có mối liên kết mạnh nhất với tổ chức khi họ được làm việc với hợp đồng. Họ có thể phải chịu hình phạt nếu vi phạm các điều khoản của hợp đồng. Tuy nhiên, những người có hợp đồng sẽ kiếm được nhiều tiền hơn và do đó, những người có hợp đồng sẽ có nhiều cơ hội thăng tiến trong tổ chức. Do đó, hợp đồng có ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân.

### **2.2.5. Nơi ở**

Khi nghiên cứu về khoảng cách trong thu nhập của người lao động ở thành thị và nông thôn Trung Quốc, Su và Heshmati (2013) đã chỉ ra nguyên nhân gây ra chênh lệch xuất phát

từ trình độ học vấn và nghề nghiệp. Ở khu vực thành thị, giáo dục được coi trọng và đồng thời cũng được đầu tư nhiều hơn so với khu vực nông thôn. Bên cạnh đó, các công việc thủ công, nông nghiệp cũng thường mang lại lợi nhuận thấp hơn so với các ngành nghề công nghiệp và dịch vụ, trong khi người dân khu vực nông thôn chủ yếu làm nông nghiệp. Tại Việt Nam, nhóm tác giả Tran và cộng sự (2021) cũng tìm ra bằng chứng về sự khác biệt trong thu nhập giữa người lao động nam và nữ tại Việt Nam.

### 2.2.6. Tình trạng công việc

Theo Giangregorio (2023), nghề nghiệp và sự thay đổi giữa các nghề nghiệp có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự thay đổi thu nhập ngay cả sau khi kiểm soát một số yếu tố khác. Theo Cankal và Gökçe (2015), người lao động trong khu vực công và tư có những sự khác nhau đáng kể trong lĩnh vực nghề nghiệp, từ đó cũng ảnh hưởng đến mức thu nhập của người lao động.

Tóm lại, có thể thấy rằng đa số các nghiên cứu đều kết luận rằng trình độ học vấn là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến thu nhập cá nhân. Một số yếu tố thường được tìm hiểu gồm có trình độ học vấn, giới tính, vị trí công việc nơi ở giữa thành thị và nông thôn. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu trong lĩnh vực này chỉ tập trung vào các quốc gia phát triển. Các nghiên cứu về thu nhập cá nhân tại Việt Nam hiện mới chỉ tập trung tại một số vùng địa bàn cụ thể. Hơn nữa, hiện nay chưa có nghiên cứu nào xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập cá nhân tại các mức thu nhập khác nhau. Trong khi đó, sự ảnh hưởng này rất có thể khác nhau giữa những cá nhân có thu nhập cao và cá nhân có thu nhập thấp.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu từ Khảo sát sử dụng thời gian ở Việt Nam 2022 được thực hiện bởi Ngân hàng Thế giới (Worldbank). Đây là khảo sát của ngân hàng thế giới thực hiện với 6,001 cá nhân trên sáu vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam, thuộc mọi thành phần dân tộc, nghề nghiệp và mức thu nhập, trong độ tuổi từ 15 đến 64 tuổi. Sau khi loại bỏ dữ liệu khuyết, số lượng quan sát được đưa vào mô hình phân tích dữ liệu là 4,001 quan sát. Nhóm hộ gia đình được trộn lẫn giữa danh sách liên lạc cơ sở do Ngân hàng Thế giới cung cấp từ Bộ dữ liệu Điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) và dân số nói chung, do đó đảm bảo mẫu ngẫu nhiên, tăng độ tin cậy của nghiên cứu này.

### 3.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

*Mô hình hồi quy theo phương pháp bình phương tối thiểu*

Phương pháp bình phương tối thiểu OLS là một phương pháp mạnh mẽ để xem xét mối quan hệ giữa các biến. Mô hình hồi quy OLS được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập cá nhân trong nghiên cứu này là:

$$\text{salary}_i = \beta_0 + \beta_1 \text{urban}_i + \beta_2 \text{age}_i + \beta_3 \text{male}_i + \sum_{j=1}^6 \beta_{4,j} \text{education}_{j,i} + \sum_{j=1}^2 \beta_{5,j} \text{employ}_{j,i} + \beta_6 \text{contract}_i + \varepsilon_i \quad (1)$$

Trong đó:  $\text{salary}_i$  là thu nhập của người được phỏng vấn thứ  $i$ ,

$\varepsilon_i$  là phần dư.

Các biến độc lập được mô tả tại Bảng 1.

**Bảng 1***Mô Tả các Biến Độc Lập*

STT	Biến độc lập	Mô tả
1	$urban_i$	Biến giả có giá trị là 1 và 0 biểu thị địa điểm làm việc của người được phỏng vấn thứ $i$ . Giá trị 1 biểu thị người được phỏng vấn đang làm việc ở thành thị và 0 biểu thị người lao động làm việc ở nông thôn.
2	$age_i$	Độ tuổi của người được phỏng vấn thứ $i$ (từ 15 đến 64).
3	$male_i$	Biến giả có giá trị là 1 và 0 biểu thị giới tính của người được phỏng vấn thứ $i$ . Giá trị 1 biểu thị người lao động là nam và 0 biểu thị người lao động là nữ.
4	$education_{j,i}$	Biến giả có giá trị là 1 và 0. Giá trị 1 biểu thị cho trình độ học vấn cấp $j$ của người được phỏng vấn thứ $i$ và 0 cho các trường hợp ngược lại. $j$ có giá trị từ 1 đến 6 tương ứng với cấp tiểu học ( $j = 1$ ), trung học cơ sở ( $j = 2$ ), trung học phổ thông ( $j = 3$ ), cao đẳng ( $j = 4$ ), đại học ( $j = 5$ ), sau đại học ( $j = 6$ ).
5	$employ_{j,i}$	Biến giả có giá trị là 1 và 0. Giá trị 1 biểu thị cho công việc $j$ của người được phỏng vấn thứ $i$ và 0 cho các trường hợp ngược lại. $j$ có giá trị từ 1 đến 2 ứng với công việc liên quan đến sản xuất/dịch vụ ( $j = 1$ ) và kinh doanh theo hộ gia đình ( $j = 2$ ).
6	$contract_i$	Biến giả có giá trị là 1 và 0 biểu thị tình trạng hợp đồng lao động/làm việc của người được phỏng vấn thứ $i$ . Giá trị 1 biểu thị người lao động làm việc có hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc và 0 biểu thị người lao động không có hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc.

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

*Mô hình hồi quy phân vị*

Mặc dù mô hình hồi quy theo phương pháp bình phương tối thiểu (OLS) là một phương pháp rất mạnh, nhưng phương pháp này đòi hỏi nhiều giả thiết chặt chẽ. Hơn nữa, mô hình hồi quy theo phương pháp OLS chỉ cho biết ảnh hưởng các nhân tố đến giá trị trung bình của thu nhập trên toàn bộ mẫu dữ liệu. Trong thực tế, ảnh hưởng này có thể không đồng nhất trong các điều kiện khác nhau của thu nhập. Do đó, mô hình hồi quy phân vị được phát triển dựa trên phương trình (1) và được sử dụng để giải quyết hạn chế này:

$$Q_{\tau}(y|x, \sigma) = \beta_0(\tau) + \beta_1(\tau)x + \sum_{j=1}^n \gamma_j(\tau)\sigma_j + v \quad (2)$$

Trong đó:

$Q_{\tau}(y|x)$  là phân vị bậc  $\tau$  của biến thu nhập  $y$ , ứng với giá trị biến độc lập  $x$  ( $\tau$  nằm trong khoảng từ 0 đến 1) và biến các kiểm soát  $\sigma$ ;

$x$  là biến độc lập cần quan tâm;

$\sigma_1, \sigma_2, \dots, \sigma_n$  là các biến kiểm soát;

$\beta_0(\tau)$  là hệ số chặn tại phân vị  $\tau$ ;

$\beta_1(\tau)$  là hệ số góc ứng với biến độc lập  $x$  tại phân vị  $\tau$ ;

$\gamma_j(\tau)$  là hệ số góc của biến kiểm soát  $\sigma_j$  tại phân vị  $\tau$ ,  $j = 1, 2, \dots, n$ ;

$v$  là sai số.

Phương pháp hồi quy phân vị không nhằm tối thiểu hóa bình phương phần dư như trong phương pháp OLS, thay vào đó cực tiểu hóa giá trị tuyệt đối của phần dư trong từng tập con dữ liệu.

#### 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

##### 4.1. Thống kê mô tả

Bảng 2 biểu diễn thống kê mô tả về thu nhập và biến tuổi. Có thể thấy thu nhập trung bình của 4,001 người lao động được khảo sát là khoảng 13.7 triệu đồng, người thu nhập thấp nhất là 100,000 đồng và người có thu nhập cao nhất là khoảng 1 tỷ đồng. Về độ tuổi, nhóm được khảo sát nằm trong độ tuổi lao động từ 15 - 64 tuổi, độ tuổi trung bình là 40 tuổi. Bảng 3 biểu diễn thống kê mô tả về các biến thu nhập và tuổi có trong mô hình.

**Bảng 2**

*Thống Kê Mô Tả Biến Thu Nhập và Tuổi*

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Thu nhập	4,001	13,755	84,445	100	999,999
Tuổi	4,001	40	12	15	64

*Nguồn:* Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

**Bảng 3**

*Thống Kê Mô Tả các Biến Giả*

Biến		Số lượng	Tần suất
Nơi ở	Thành thị	1,582	40%
	Nông thôn	2,419	60%
Giới tính	Nữ	2,484	62%
	Nam	1,517	38%
Trình độ học vấn	Không đi học	361	9%
	Tiểu học	670	17%
	THCS	1,056	26%
	THPT	1,371	34%
	Cao đẳng	255	6%
	Đại học	280	7%
	Sau đại học	8	0,2%
Tình trạng công việc trong 12 tháng vừa qua	Làm thuê	832	21%
	Sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi hộ gia đình	1,472	37%
	Kinh doanh theo hộ gia đình	1,697	42%
Tình trạng hợp đồng lao động/làm việc	Không có hợp đồng	2,919	73%
	Có hợp đồng	1,082	27%

*Nguồn:* Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

#### 4.2. Kết quả phân tích hồi quy

Bảng 4 biểu diễn kết quả mô hình hồi quy đánh giá tác động của các nhân tố đến thu nhập cá nhân của người lao động tại Việt Nam theo phương pháp OLS tại phương trình (1). Kết quả bước đầu cho thấy tác động trung bình của các nhân tố. Cụ thể, với các yếu tố khác không đổi, thu nhập trung bình của người lao động sẽ giảm dần khi độ tuổi tăng lên. Ngược lại, thu nhập của người lao động có xu hướng cao hơn nếu họ sống ở thành thị, là nam giới, làm chủ công việc kinh doanh, hoặc có công việc có hợp đồng/thỏa thuận. Kết quả này phù hợp với kết quả tại một số nghiên cứu trước đây (Gundavarapu & ctg., 2023; Lin & ctg., 2017; Nguyen & Le, 2020; Turac & Çankal, 2017). Điểm thú vị là không có sự chênh lệch rõ ràng trong mức thu nhập giữa những người lao động có bằng tiểu học và trung học cơ sở và những người không có bằng cấp tại Việt Nam. Khoảng cách thu nhập giữa người có bằng cấp và không có bằng cấp chỉ thực sự rõ nét khi người lao động sở hữu bằng trung học phổ thông. Mức chênh lệch này sẽ càng lớn nếu người lao động có bằng cấp càng cao.

**Bảng 4**

*Kết Quả Mô Hình Hồi Quy theo Phương Pháp OLS*

<b>Biến</b>		<b>Beta</b>	<b>VIF</b>
Tuổi		-0.01***	1.22
Nơi ở		0.15***	1.09
Giới tính		0.38***	1.02
Trình độ học vấn	Tiểu học	- 0.01	2.40
	THCS	- 0.01	2.94
	THPT	0.18***	3.37
	Cao đẳng	0.27***	1.71
	Đại học	0.36***	1.89
	Sau đại học	0.76***	1.03
Tình trạng công việc trong 12 tháng vừa qua	Sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi hộ gia đình	0.33***	1.93
	Kinh doanh theo hộ gia đình	0.23***	2.66
Tình trạng hợp đồng		0.24***	1.79
Hệ số chặn		8.24***	
Số lượng quan sát		4,001	
R <sup>2</sup>		15.16%	
Thống kê F		60.32***	

*Ghi chú:* \*, \*\*, \*\*\* biểu thị kết quả có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 10%, 5% và 1%

*Nguồn:* Kết quả phân tích từ mẫu nghiên cứu gồm 4,001 quan sát của Worldbank tại Việt Nam năm 2022

Để làm rõ những tác động của các nhân tố đến thu nhập của người lao động ở các mức thu nhập khác nhau. Nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy phân vị tại các mức phân vị 10%, 25%, 50%, 75% và 90% của thu nhập cá nhân theo phương trình (2). Kết quả hồi quy phân vị được biểu diễn tại Bảng 5. Kết quả này tương tự với kết quả tại nghiên cứu của Tong (2015).

**Bảng 5***Kết Quả Phân Tích Hồi Quy Phân Vị*

<b>Biến</b>	<b>Phân vị</b>					
	q10	q25	q50	q75	q90	
Tuổi	-0.12*** [0.00]	-0.01*** [0.00]	-0.01*** [0.00]	-0.00*** [0.00]	-0.00 [0.00]	
Nơi ở	0.12** [0.06]	0.13*** [0.03]	0.15*** [0.02]	0.17*** [0.26]	0.16*** [0.05]	
Giới tính	0.26*** [0.05]	0.29*** [0.03]	0.32*** [0.02]	0.32*** [0.26]	0.36*** [0.05]	
Trình độ học vấn	Tiểu học	0.12 [0.11]	0.12** [0.06]	-0.03 [0.05]	-0.03 [0.05]	-0.08 [0.09]
	THCS	0.23** [0.10]	0.20*** [0.06]	0.04 [0.04]	0.00 [0.05]	-0.11 [0.09]
	THPT	0.46*** [0.10]	0.41*** [0.06]	0.19*** [0.04]	0.11** [0.05]	-0.07 [0.12]
	Cao đẳng	0.59*** [0.14]	0.43*** [0.08]	0.26*** [0.06]	0.17*** [0.06]	0.09 [0.12]
	Đại học	0.45*** [0.14]	0.45*** [0.08]	0.34*** [0.06]	0.35*** [0.06]	0.29** [0.12]
	Sau đại học	0.93 [0.58]	0.70** [0.33]	0.57** [0.26]	0.93*** [0.27]	0.83** [0.50]
Tình trạng công việc trong 12 tháng vừa qua	Sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi hộ gia đình	0.64*** [0.07]	0.54*** [0.04]	0.45*** [0.03]	0.28*** [0.03]	0.23*** [0.06]
	Kinh doanh theo hộ gia đình	0.74*** [0.09]	0.63*** [0.05]	0.38*** [0.04]	0.10** [0.04]	-0.12* [0.08]
Tình trạng hợp đồng	0.48*** [0.08]	0.27*** [0.05]	0.18*** [0.03]	0.15*** [0.04]	0.15** [0.07]	
Hệ số chặn	7.04*** [0.16]	7.52*** [0.09]	8.16*** [0.07]	8.65*** [0.08]	9.10*** [0.14]	
Số lượng quan sát	4,001	4,001	4,001	4,001	4,001	
Pseudo R <sup>2</sup>	20.79%	18.19%	12.89%	8.63%	6.26%	

*Ghi chú:* \*, \*\*, \*\*\* biểu thị kết quả có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 10%, 5% và 1%

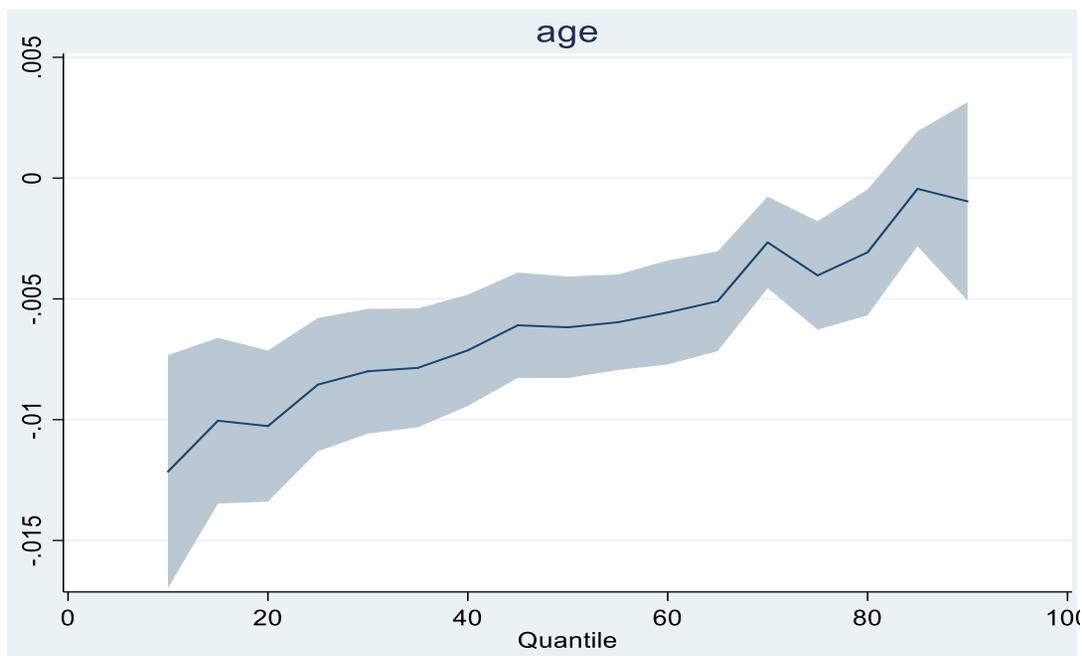
*Nguồn:* Kết quả phân tích từ mẫu nghiên cứu gồm 4,001 quan sát của Worldbank tại Việt Nam năm 2022

### ***Tác động của độ tuổi đến thu nhập của người lao động***

Hình 1 minh họa tác động của độ tuổi đến thu nhập của người lao động tại Việt Nam ở các mức thu nhập khác nhau. Nhìn chung, hệ số hồi quy của biến độ tuổi nhỏ hơn 0 ở tất cả các phân vị, cho thấy khi độ tuổi tăng, thu nhập giảm; tuy nhiên, mức giảm này sẽ khác nhau ở các mức thu nhập khác nhau. Cụ thể, hệ số hồi quy có xu hướng tăng dần từ phân vị 0.10 đến 0.90 (hệ số từ -0.12 đến -0.00) (Bảng 5). Điều này có nghĩa là tác động ngược chiều của độ tuổi đến thu nhập mạnh hơn ở nhóm lao động có thu nhập thấp so với nhóm thu nhập cao. Lý do cho sự thay đổi này có thể là do nhóm người có thu nhập thấp thường là lao động tay chân, tuổi cao khiến sức khỏe không còn đủ để làm việc như khi còn trẻ, dẫn đến thu nhập giảm mạnh. Trong khi đó, những người có thu nhập cao thường là lao động trí óc, việc tăng độ tuổi đồng nghĩa với việc tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, nên thu nhập không giảm mạnh như nhóm lao động tay chân.

### **Hình 1**

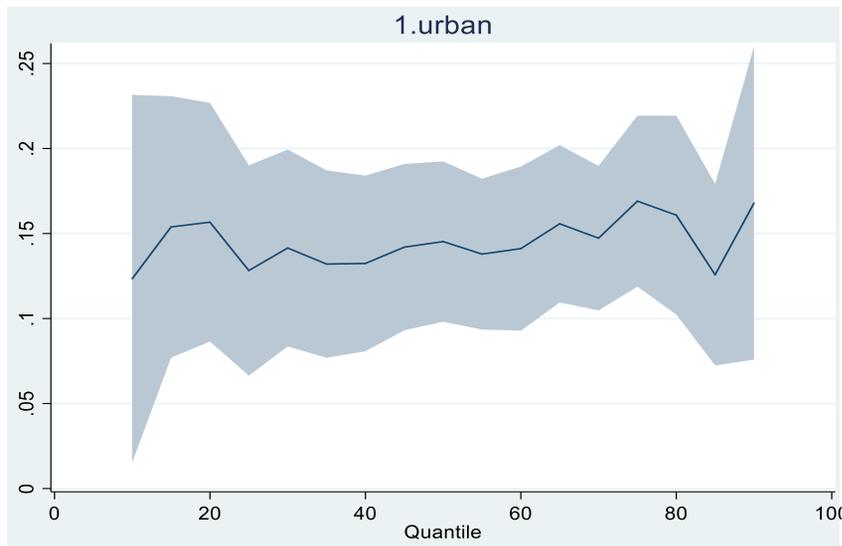
*Hệ Số Hồi Quy của Biến Độ Tuổi tại các Phân Vị*



*Nguồn:* Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

### ***Tác động của nơi ở đến thu nhập của người lao động***

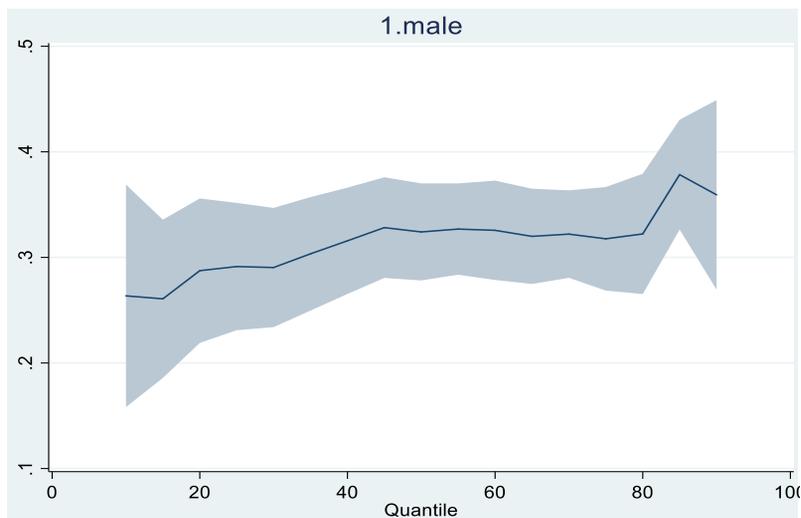
Hình 2 biểu diễn tác động của nơi ở đến thu nhập của người lao động tại Việt Nam ở các mức thu nhập khác nhau. Hệ số hồi quy nằm trong khoảng từ 0.12 đến 0.16 tại các mức phân vị từ 0.10 đến 0.90 (Bảng 5). Điều này hàm ý việc sống ở thành thị đem lại mức thu nhập cao hơn ở tất cả các phân vị. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Su và Heshmati (2013) và nghiên cứu của Hoang (2017) và Tran (2015) về phân rã chênh lệch tiền lương thành thị - nông thôn ở Việt Nam. Ngoài ra, Hình 2 cho thấy mức độ ảnh hưởng của yếu tố thành thị đến thu nhập đối với cả hai nhóm thu nhập thấp và thu nhập cao không có sự chênh lệch đáng kể. Nói cách khác, mức độ chênh lệch trong thu nhập giữa người lao động ở thành thị và nông có xu hướng như nhau ở các mức thu nhập.

**Hình 2***Hệ Số Hồi Quy của Biến Nơi Ở tại các Phân Vị*

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

**Tác động của giới tính đến thu nhập của người lao động**

Hình 3 biểu diễn tác động của giới tính đến thu nhập của người lao động tại Việt Nam ở các mức thu nhập khác nhau. Hệ số hồi quy nằm trong khoảng từ 0.26 đến 0.36 tại các mức phân vị từ 0.10 đến 0.90 (Bảng 5). Nghĩa là trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, nam có xu hướng nhận được thu nhập cao hơn nữ khoảng 260,000 đến 360,000 đồng. Từ đó, có thể thấy tồn tại sự bất bình đẳng trong việc phân phối thu nhập giữa lao động nam và lao động nữ tại Việt Nam. Blau và Kahn (1992), Kapoor và Puri (1984) đã giải thích sự khác nhau này do sự bất bình đẳng giới tính hoặc phân chia lao động sau hôn nhân. Thêm vào đó, mức chênh lệch trong thu nhập giữa nam và nữ của hai nhóm thu nhập thấp và thu nhập cao có sự khác nhau rõ rệt. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Tran và cộng sự (2021). Hình 3 cho thấy thu nhập càng cao thì mức chênh lệch giữa thu nhập giữa nam và nữ càng cao.

**Hình 3***Hệ Số Hồi Quy của Biến Giới Tính tại các Phân Vị*

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

### ***Tác động của trình độ học vấn đến thu nhập của người lao động***

Hình 4 biểu diễn tác động của trình độ học vấn đến thu nhập của người lao động ở các mức thu nhập khác nhau và ở các bằng cấp khác nhau.

Thứ nhất, về nhóm người lao động đã có bằng tiểu học: Ảnh hưởng của việc có bằng tiểu học đến thu nhập của người lao động là không đáng kể (Bảng 5 và Hình 4). Minh chứng là hầu hết các hệ số hồi quy đều xấp xỉ 0 và không có ý nghĩa thống kê. Nói cách khác, nhìn chung việc có bằng tiểu học không cải thiện được thu nhập người lao động đáng kể.

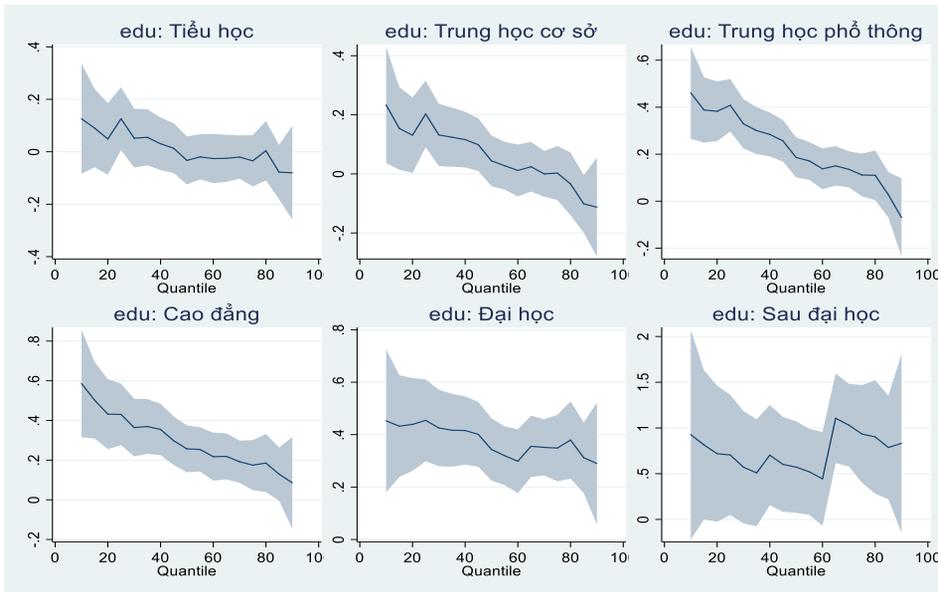
Thứ hai, về nhóm người lao động có bằng trung học cơ sở: Hình 4 cho thấy sự khác biệt về thu nhập giữa nhóm thu nhập thấp và nhóm thu nhập cao. Ở nhóm thu nhập thấp (phân vị 0.1 đến 0.2), lao động hoàn thành chương trình học trung học cơ sở có mức thu nhập cao hơn khoảng 200,000 đồng so với người không có bằng cấp. Ở các nhóm thu nhập cao, hệ số hồi quy không có ý nghĩa thống kê (Bảng 5). Như vậy, việc có bằng trung học cơ sở giúp cải thiện thu nhập của người lao động, nhưng tác động này chỉ xảy ra ở nhóm người có thu nhập thấp, trong khi đó, tác động này không còn ở nhóm thu nhập cao.

Thứ ba, về nhóm người lao động có bằng trung học phổ thông: Hệ số hồi quy lớn hơn 0 ở hầu hết các phân vị (Hình 4). Hàm ý việc hoàn thành chương trình học trung học phổ thông sẽ giúp tăng thu nhập của người lao động ở tất cả các nhóm. Mặc dù vậy, ở nhóm thu nhập thấp, người học hết cấp 3 sẽ có thu nhập cao hơn đáng kể so với người không có bằng cấp (Bảng 5). Chênh lệch này thu hẹp dần ở nhóm thu nhập cao và gần như không đáng kể ở phân vị 0.9. Như vậy, việc có bằng trung học phổ thông giúp cải thiện thu nhập của nhiều nhóm người lao động; tuy nhiên, tương tự việc có bằng trung học cơ sở, tác động của việc có bằng cấp 3 đến thu nhập giảm mạnh khi mức thu nhập tăng.

Thứ tư, về nhóm người lao động có bằng cao đẳng: Bảng 5 và Hình 4 cho thấy sự khác biệt đáng kể về mức thu nhập giữa người có bằng cao đẳng và không. Trong trường hợp này, hệ số hồi quy dao động từ 0.09 đến 0.59 ở các mức phân vị khác nhau (Bảng 5). Ngoài ra, đối với người có thu nhập thấp và trung bình, việc học cao đẳng sẽ giúp nâng cao thu nhập đáng kể hơn so với những người không học cao đẳng. Sự chênh lệch này sẽ ngày càng giảm khi thu nhập tăng lên.

Thứ năm, đối với nhóm lao động có bằng đại học: Hệ số hồi quy dương ở tất cả các phân vị của thu nhập (Bảng 5 và Hình 4), dao động từ 0.29 đến 0.45. Những giá trị này cao hơn đáng kể so với hệ số hồi quy ở các bậc học thấp hơn, cho thấy ảnh hưởng rõ ràng của việc học đại học đến việc cải thiện thu nhập của người lao động. Mặc dù độ dốc giảm của biểu đồ trong Hình 4 ngụ ý rằng ở nhóm có thu nhập thấp thì sự chênh lệch thu nhập sẽ lớn hơn so với nhóm có thu nhập cao, nhưng mức độ thay đổi của hệ số hồi quy này không cao như ở các bậc học trước. Điều này có nghĩa là mức chênh lệch trong thu nhập giữa người có bằng đại học và người không có bằng cấp không khác biệt đáng kể ở các mức thu nhập khác nhau.

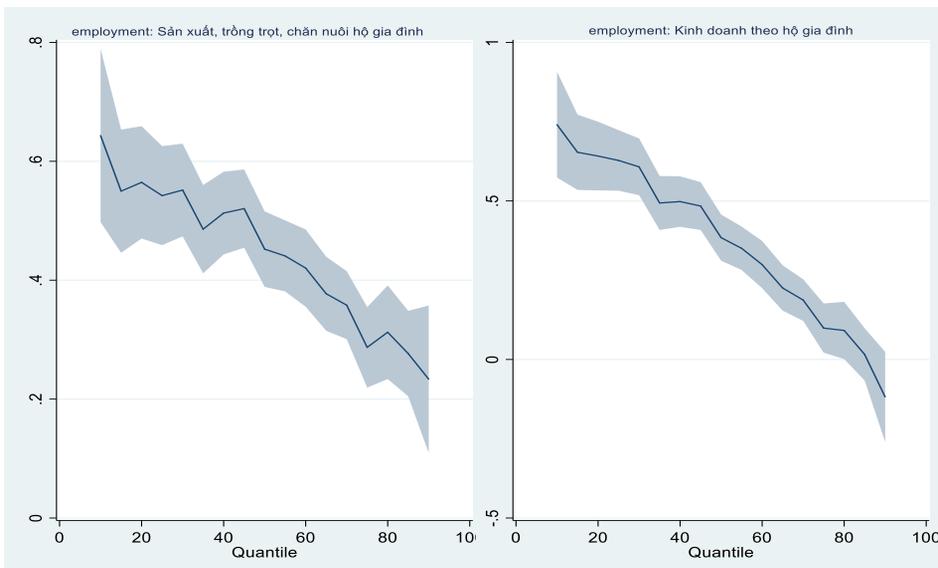
Cuối cùng, về nhóm người lao động có bằng sau đại học: Hệ số hồi quy dương và dao động từ 0.70 đến 0.93 (Bảng 5), cho thấy sự chênh lệch trong thu nhập giữa người lao động có bằng sau đại học người không có bằng rõ ràng nhất trong tất cả các nhóm bằng cấp. Thêm vào đó, Hình 4 cho thấy rằng sự chênh lệch này được duy trì khá đồng đều ở cả hai nhóm người lao động có thu nhập thấp và cao. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyen và Bui (2011) và cùng chỉ ra rằng trình độ học vấn rất quan trọng đối với việc nâng cao thu nhập của người lao động.

**Hình 4***Hệ Số Hồi Quy của Biến Trình Độ Học Vấn tại các Phân Vị*

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

**Tác động của tình trạng công việc trong 12 tháng vừa qua đến thu nhập của người lao động**

Hình 5 biểu diễn tác động của tình trạng công việc trong 12 tháng vừa qua đến thu nhập của người lao động tại Việt Nam ở các mức thu nhập khác nhau. Hệ số hồi quy dương cho thấy người lao động tự làm chủ (sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi hoặc kinh doanh theo hộ gia đình) có xu hướng đem lại thu nhập cao hơn cho cá nhân so với việc đi làm thuê. Tuy nhiên, mức chênh lệch này rõ ràng đối với nhóm lao động có thu nhập thấp hơn so với nhóm thu nhập cao. Nói cách khác, khi thu nhập tăng lên, thu nhập giữa làm thuê và tự kinh doanh không có sự khác nhau đáng kể.

**Hình 5***Hệ Số Hồi Quy của Biến Tình Trạng Công Việc trong 12 tháng tại các Phân Vị*

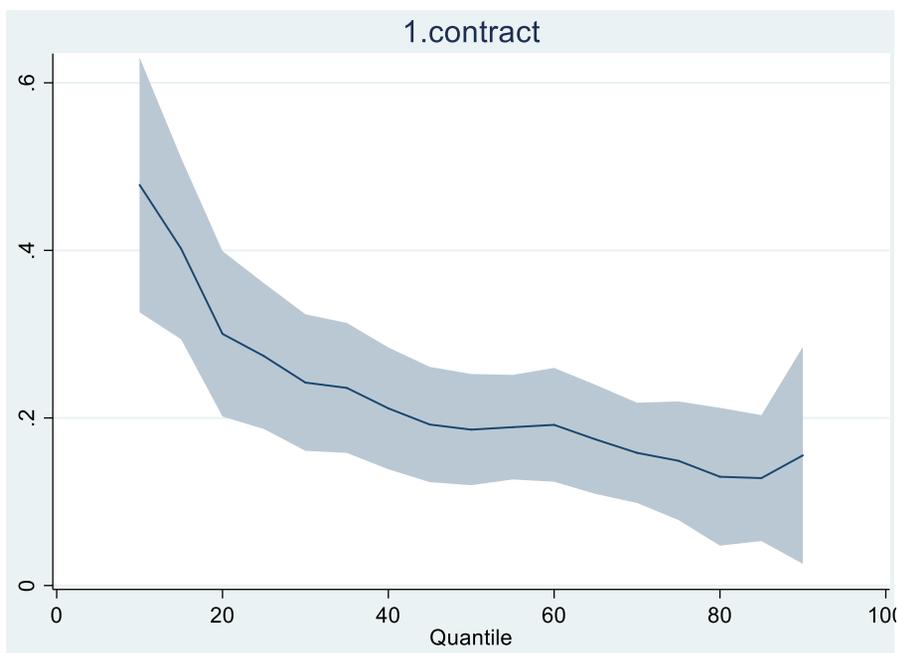
Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

### ***Tác động của tình trạng hợp đồng làm việc đến thu nhập của người lao động***

Hình 6 biểu diễn tác động của tình trạng hợp đồng làm việc (Có hợp đồng/thỏa thuận hoặc Không có hợp đồng/thỏa thuận) đến thu nhập của người lao động tại Việt Nam ở các mức thu nhập khác nhau. Hình 6 cho thấy có nhóm lao động có hợp đồng có xu hướng thu nhập cao hơn nhóm không có hợp đồng. Tuy nhiên, sự chênh lệch này rõ ràng ở nhóm thu nhập thấp hơn so với nhóm thu nhập cao. Bảng 5 cho thấy đối với nhóm thu nhập thấp, mức chênh lệch là khoảng 480,000 đồng tại phân vị 0.10; và mức chênh lệch này giảm xuống còn khoảng 150,000 đồng tại phân vị 0.90. Nói cách khác, thu nhập càng cao, thì việc có thỏa thuận/hợp đồng lao động có xu hướng ít quan trọng hơn.

### **Hình 6**

*Hệ Số Hồi Quy của Biến Tình Trạng Hợp Đồng Làm Việc tại các Phân Vị*



*Nguồn:* Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm nghiên cứu

## **5. Kết luận và gợi ý**

### **5.1. Kết luận**

Thu nhập cá nhân là một chỉ số quan trọng không chỉ đối với mỗi cá nhân mà còn có vai trò quan trọng trong việc định hình các chính sách kinh tế và đảm bảo an ninh xã hội. Mục đích của nghiên cứu này là phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động. Đặc biệt, nghiên cứu sẽ làm rõ tác động của các yếu tố này đối với những nhóm người lao động có mức thu nhập cao và thấp khác nhau.

Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập cá nhân của người lao động tại Việt Nam chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khác nhau như độ tuổi, địa điểm cư trú, giới tính, trình độ học vấn, ngành nghề và loại hợp đồng lao động. Đặc biệt, độ tuổi ảnh hưởng âm đến thu nhập trong khi trình độ học vấn có ảnh hưởng dương đến thu nhập. Điều đáng lưu ý về trình độ học vấn là chỉ có bằng tiểu học và trung học cơ sở không có ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập của người lao động. Để cải thiện thu nhập, người lao động cần có bằng trung học phổ thông trở lên. Ngoài ra, những người sống ở thành thị, là nam giới, tự doanh, nông nghiệp, kinh doanh và có hợp đồng lao động rõ ràng thường có xu hướng thu nhập cao hơn.

Tuy nhiên, tác động của các yếu tố trên đến thu nhập cá nhân, trừ nhân tố giới tính và nơi ở, chỉ đáng kể tại các nhóm người lao động có thu nhập thấp, tại các mức thu nhập cao, tác động trên có xu hướng yếu dần. Đối với yếu tố nơi ở, nhìn chung việc sống ở thành thị mang lại mức thu nhập cao hơn, nhưng mức chênh lệch này không thay đổi đáng kể giữa các phân vị của thu nhập. Đối với yếu tố giới tính, nam giới có thu nhập cao hơn nữ, và ở các mức thu nhập càng cao thì mức chênh lệch này càng lớn.

## **5.2. Hàm ý chính sách**

Kết quả nghiên cứu trên đưa đến một vài hàm ý chính sách để cải thiện thu nhập cá nhân của người lao động tại Việt Nam nói riêng và các nước đang phát triển nói chung.

### ***Đối với người lao động***

Người lao động cần nhận thức rõ về năng lực cá nhân và các cơ hội gia tăng thu nhập để lộ trình phát triển một cách hiệu quả. Việc xây dựng nền tảng kiến thức vững chắc, bao gồm cả kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm, là yếu tố cốt lõi giúp họ đạt được mục tiêu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập bắt đầu có sự tăng lên đáng kể khi lao động sở hữu bằng trung học phổ thông. Ở các mức thu nhập cao, việc sở hữu bằng đại học và sau đại học đóng vai trò rất quan trọng. Do đó, việc đầu tư vào giáo dục và học tập liên tục là cần thiết để duy trì và nâng cao giá trị cá nhân trong thị trường lao động ngày càng cạnh tranh và hội nhập như ở Việt Nam. Việc lựa chọn công việc phù hợp với năng lực cá nhân và chuyên môn học vấn đóng vai trò quyết định trong việc tăng thu nhập cá nhân. Một công việc phù hợp không chỉ giúp người lao động phát huy tối đa năng lực của mình mà còn mang lại sự hài lòng và động lực làm việc, dẫn đến hiệu quả công việc cao hơn và cơ hội thăng tiến tốt hơn. Ngoài ra, người lao động cũng cần cân nhắc lựa chọn hình thức làm việc phù hợp, có thể là làm việc theo hợp đồng hoặc không theo hợp đồng, để tối ưu hóa thu nhập. Kết quả nghiên cứu hàm ý làm việc theo hợp đồng mang lại sự ổn định và các quyền lợi bảo hiểm xã hội, trong khi làm việc không theo hợp đồng có thể mang lại cơ hội thu nhập cao hơn nhưng kèm theo rủi ro. Cuối cùng, người lao động cũng có thể cân nhắc việc tự doanh nếu có mong muốn gia tăng thu nhập.

### ***Đối với cơ quan quản lý***

Nhà nước và các cơ quan chính phủ cần thiết lập các chính sách nhằm giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập. Ví dụ, cần tạo điều kiện hỗ trợ phụ nữ trong việc tăng thu nhập, khuyến khích phụ nữ tham gia vào các ngành nghề có thu nhập cao. Các cơ quan quản lý cũng có thể áp dụng các biện pháp yêu cầu các nhà tuyển dụng ký kết hợp đồng lao động để bảo vệ quyền lợi thu nhập của người lao động. Ngược lại, cần tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức của người lao động về sự quan trọng của việc ký kết hợp đồng lao động. Điều này giúp họ hiểu rõ các quyền lợi khi tham gia vào công việc, từ đó nâng cao quyền lợi cá nhân. Tiếp theo, kết quả nghiên cứu về tác động của điều kiện công việc đến thu nhập cho thấy chính phủ có thể đưa ra các biện pháp khuyến khích khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Sự tự chủ của người dân có thể giúp gia tăng thu nhập cá nhân và nâng cao sức mạnh kinh tế của đất nước. Cuối cùng, việc nhận thức chênh lệch trong thu nhập cá nhân giữa thành thị và nông thôn cũng vô cùng quan trọng trong việc đề ra các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội giữa các vùng.

**Tài liệu tham khảo**

- Afzal, M. (2021). *Private returns to education and determinants of earnings: An econometric analysis*. Lahore College for Women University.
- Akçomak, İ. S., & Kasnakoğlu, E. Z. (2003). The determinants of earnings differentials in Ankara and İstanbul. *ODTÜ Gelişme Dergisi*, 30(1), 1-17.
- Ashenfelter, O., & Rouse, C. (2000). Five. schooling, intelligence, and income in America. In K. Arrow, S. Bowles, & S. Durlauf (Eds.), *Meritocracy and economic inequality* (pp. 89-117). Princeton University Press. <https://doi.org/10.1515/9780691190334-007>
- Ashraf, J., Ashraf, B., & Ahmed, A. M. (1993). An analysis of the male-female earnings differential in Pakistan [with comments]. *The Pakistan Development Review*, 32(4), 895-904.
- Becker, G. S. (1994). *Human capital: A theoretical and empirical analysis with special reference to education*. The University of Chicago Press.
- Bhattarai, K. (2017). Determinants of wages and labour supply in the UK. *Chinese Business Review*, 16(3), 126-140. <https://doi.org/10.17265/1537-1506/2017.03.002>
- Blau, F. D., & Kahn, L. M. (1992). The gender earnings gap: Learning from international comparisons. *The American Economic Review*, 82(2), 533-538.
- Bộ Tài chính. (2023). *Điểm sáng kinh tế Việt Nam* [Vietnam's economic highlights]. [https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages\\_r/1/tin-bo-taichinh?dDocName=MOFUCM268113](https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/1/tin-bo-taichinh?dDocName=MOFUCM268113)
- Cankal, E., & Gökçe, A. (2015). The determinants of earnings in Turkey. *International Journal of Economic Perspectives*, 9(1), 73-79.
- De Gregorio, J., & Lee, J. W. (2002). Education and income inequality: New evidence from cross-country data. *Review of Income and Wealth*, 48(3), 395-416. <https://doi.org/10.1111/1475-4991.00060>
- Fang, Q. (2001). *Changes in determinants of personal earnings in people's republic of China in 1988 and in 1995*. East Carolina University.
- Giangregorio, L. (2023). Occupational origin effects on wage and market income (inequality): The cases of Spain and Germany. *Research in Social Stratification and Mobility*, 87, Article 100838. <https://doi.org/10.1016/J.RSSM.2023.100838>
- Gundavarapu, S. S., Surdu, S., & Langelier, M. (2023). Exploring the impact of household, personal, and employment characteristics on dentistry's income gap between men and women. *The Journal of the American Dental Association*, 154(3), 159-170.
- Hoang, P. T. (2017). Phân tầng xã hội về thu nhập và chi tiêu ở Việt Nam [Social stratification of income and expenditure in Vietnam]. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 126(6b), 203-213.
- Kapoor, B. L., & Puri, A. K. (1984). Determinants of personal earnings: A study of industrial workers in Punjab. *Indian Journal of Industrial Relations*, 20(1), 17-26.
- Karoly, L. A. (1992). Changes in the distribution of individual earnings in the United States: 1967-1986. *The Review of Economics and Statistics*, 74(1), 107-115.
- Karunaratne, H. D. (2000). Age as a factor determining income inequality in Sri Lanka. *Developing Economies*, 38(2), 211-242. <https://doi.org/10.1111/J.1746-1049.2000.TB00877.X>

- Khan, S. R., Irfan, M., & Cohen, S. I. (1985). Rates of returns to education and the determinants of earnings in Pakistan [with Comments]. *The Pakistan Development Review*, 24(3/4), 671-683.
- Lin, T. Y., Chen, C. Y., Tsao, C. Y., & Hsu, K. H. (2017). The association between personal income and aging: A population-based 13-year longitudinal study. *Archives of Gerontology and Geriatrics*, 70, 76-83. <https://doi.org/10.1016/J.ARCHGER.2017.01.002>
- Merriam-Webster. (n.d.). *Income definition & meaning*. <https://www.merriam-webster.com/dictionary/income>
- Mincer, J. (1975). Education, experience, and the distribution of earnings and employment: An overview. In F. T. JustCer (Ed.), *Education, income, and human behavior* (pp. 71-94). McGraw-Hill.
- Nasdaq. (n.d.). *Personal income definition*. <https://www.nasdaq.com/glossary/p/personal-income?fbclid=IwAR3aaoJTZLzrxG5wjLSEHK7CtwZla4hpR9oEeYPL8eNiKrM2EZ0-5iJKnDw>
- Nasir, Z., Mahmood, R., Nasir, Z., & Mahmood, R. (1998). Personal earnings inequality in Pakistan: Findings from the HIES 1993-94. *The Pakistan Development Review*, 37(4), 781-792.
- Nguyen, H. H., & Le, C. T. K. (2020). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động tại các khu công nghiệp Tỉnh Trà Vinh [Study on factors affecting workers' income in industrial zones in Tra Vinh Province]. *Tạp chí Công thương*, 1, 166-173.
- Nguyen, N. Q., & Bui, T. V. (2011). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở đồng bằng Sông Cửu Long [Factors affecting the income of ethnic minorities in the Mekong Delta]. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 18, 240-250.
- Riley, J. (2016). The definition of the contract of employment and its differentiation from other contracts and other work relations. In *The contract of employment* (pp. 321-340). Oxford University Press. <https://doi.org/10.1093/ACPROF:OSO/9780198783169.001.0001>
- Su, B., & Heshmati, A. (2013). Analysis of the determinants of income and income gap between urban and rural China. *China Economic Policy Review*, 2(1), 1-29.
- Tong, B. Q. (2015). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của lao động trong khu vực dịch vụ tại Việt Nam [Analysis of factors affecting income of workers in the service sector in Vietnam]. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 10(2), 170-184.
- Tran, A. T. T. (2015). Phân tích tác động của bằng cấp đến tiền lương ở Việt Nam bằng phương pháp hồi quy phân vị [Analysis of the impact of educational qualifications on wages in Vietnam using quantile regression]. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 26(1), 95-116.
- Tran, P. H., Quan, A. H. H., Luu, K. T., & Luong, N. T. N. (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến bất bình đẳng thu nhập giữa nam và nữ tại các tỉnh, thành ở Việt Nam [Factors affecting income inequality between men and women in provinces and cities in Vietnam]. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 29(2), 12-22.
- Turac, S., & Çankal, E. (2017). A study on the determinants of income in Turkey. *Uluslararası Ekonomik Araştırmalar Dergisi*, 3(4), 547-557.

